

Bản án số: **16/2022/KDTMST**

Ngày: 28/06/2022.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Lâm Anh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy: Bà Nguyễn Thị Thảo –
Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST - KDTM ngày 11/5/2022; giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Q

Địa chỉ: Số 63 L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ – Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy Đ1 – Chức vụ: Cán bộ pháp chế (ông Đ1 có mặt)

Bị đơn: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng M

Địa chỉ: số 218, tổ 49, phường Yên Hòa, quận C, Thành phố Hà Nội;
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt An - Chủ tịch Hội Đồng quản trị.
(ông An vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty TNHH D.

Trụ sở: Khu đô thị T, phường X, quận B, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông HW – Tổng Giám đốc (Ông HW vắng mặt)

2/ Công ty cổ phần Bất động sản X.

Trụ sở: số 191 phố B, phường L, quận H, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vũ H1 – chức vụ: Tổng Giám đốc (ông H1 vắng mặt)

3/ Công ty cổ phần thực phẩm B.

Trụ sở: Tầng 1, tòa nhà G, đường V, phường P, TP L, tỉnh Quảng Ninh. Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Quốc V1 – chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hải Y. (bà Y có mặt).

4/ Công ty cổ phần xây dựng H2.

Trụ sở: tổ 6 A1, xã T2, huyện P2, tỉnh Kiên Giang. Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Ngọc Q - chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hải Y. (bà Y có mặt)

5/ Công ty TNHH đầu tư phát triển sản xuất L.

Trụ sở: Tầng 1, tòa nhà G, đường V, phường P, TP L, tỉnh Quảng Ninh; Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Quốc V1. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hải Y. (bà Y có mặt)

6/ Công ty CP đầu tư - thương mại - dịch vụ U.

Trụ sở: Tầng 31 tòa nhà Pearl Plaza 561A Đ, phường R, quận B2, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Văn P3 – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. (ông P3 vắng mặt)

7/ Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T2.

Trụ sở: Số 72 L2, phường B4, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Huy L4 – chức vụ: Tổng giám đốc. (ông L4 vắng mặt)

8/ Công ty TNHH tư vấn và xây dựng V.

Trụ sở: số 7 đường B5, Khu đô thị sinh thái V2, phường V1 H1, quận L5, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T4 – chức vụ: Phó Tổng giám đốc; ông Phạm Văn K – chức vụ: Chủ tịch công ty (ông K vắng mặt)

NHẬN THẤY

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Duy Đ1 trình bày: Ngân hàng Q (viết tắt là Ngân hàng) và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng M (viết tắt là Công ty M) ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số 49031.16.058.1188660.TD ngày 30/9/2016 với các nội dung; Giá trị hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng); Hạn mức bảo lãnh: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ); Phương thức cho vay: Theo hạn mức; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phát hành, phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình của khách hàng. Lãi suất: Theo từng Khế ước nhận nợ.

Trên cơ sở đã thỏa thuận Ngân hàng đã giải ngân vốn cho khách hàng theo 45 khế ước, với tổng số tiền 62.684.928.391 VNĐ; Dư nợ tính đến ngày 17/7/2020 bao gồm cả gốc và lãi là **46.931.048.134 Đồng.**

2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm: xe ô tô, giàn giáo, khoản phải thu, cụ thể:

TT	Thông tin TSDB	Số HĐTC	Giá trị TS thời điểm nhận thế chấp (VNĐ)
	Xe ô tô		
	Xe ô tô CoRoLLa số máy 2ZRX417707; Số khung 42E6E5014819; Biển số 30A-221.29	4276.15.058.118866 0.BD ngày 08/3/2016	750.000.000
	Giàn giáo		
	Tài sản là Giàn giáo hình thành từ tất cả các nguyên vật liệu theo các hóa đơn.	21.17.058.1188660.T C ngày 19/6/2017	14.249.709.026
		22.17.058.1188660.T C ngày 28/6/2017	7.328.127.855

Tổng giá trị Giàn giáo:			21.577.836.881
Khoản phải thu Đối với các công ty			
D	Đối với cty	33148.16.058.11886 60.BD ngày 15/7/2016 Phụ lục ngày 27/7/2016 và 27/10/2016.	25.819.000.000
		85760.16.058.11886 60.BD ngày 16/11/2016	30.770.748.023
	Đối với Công ty CP BĐS X	84995.16.058.11886 60.BD ngày 05/12/2016	898.000.000
	Đối với Công ty CP thực phẩm B	1483.17.058.118866 0.BD ngày 18/01/2017	3.366.000.000
	Đối với Công ty CP XD H2.	5561.17.058.118866 0.BD ngày 28/2/2017	13.639.000.000
	Đối với Công ty TNHH Đầu tư PTSX L.	80262.17.058.11886 60.BĐ ngày 15/3/2017	767.000.000
	Đối với Công ty CP ĐT TM DV U.	25.17.058.1188660.B Đ ngày 16/6/2017	71.487.965.051
	Đối với Công ty CP ĐT XD T2	13703.16.058.11886 60.ĐB ngày 22/4/2016 Phụ lục ngày 05/5/2016	7.959.566.689
		27300.16.058.11886 60.ĐB ngày 07/6/2016	2.897.000.000
	Đối với cty TNHH Quản lý XD V 1	37701.16.058.11886 6.BD ngày 20/6/2016	715.000.000
Tổng giá trị của khoản phải thu			106.643.224.708
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN BẢO ĐẢM THỜI ĐIỂM NHẬN THỂ CHẤP			128.971.061.589

3. Tính đến thời điểm ngày 17/7/2020, Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền là: 46.931.048.134 đồng (trong đó, Nợ gốc là: 30.330.475.349 đồng, Nợ lãi quá hạn là: 16.600.578.785 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc đề nghị trả nợ NH1 Công ty M vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Từ những lý do trên, Ngân hàng kính đề nghị Quý Toà:

Buộc Công ty M trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2020 là: 46,931,048,134 đồng (trong đó, Nợ gốc là: 30.330.475.349 đồng, Nợ lãi quá hạn

là: 16.600.578.785 đồng), và nợ lãi phát sinh từ ngày 18/7/2020 cho đến ngày thanh toán hết nghĩa vụ nợ với Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp Công ty M không thực hiện đúng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Đối với các tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng bị đơn đã thế chấp bao gồm: Xe ô tô CoRoLLa số máy 2ZR417707; Số khung 42E6E5014819; Biển số 30A-221.29, Tài sản là Giàn giáo hình thành từ tất cả các nguyên vật liệu theo các hóa đơn. Đối với các tài sản thế chấp, hiện nay đang nằm tại các công trình do bị đơn quản lý nên chúng tôi không có căn cứ để cung cấp số lượng và chủng loại cho tòa án. Chính vì vậy, chúng tôi không yêu cầu xem xét thẩm định đối với các tài sản này.

Đối với tài sản đảm bảo là các khoản thu đối với các công ty như trên đã trình bày. Hiện nay chúng tôi không có căn cứ để xác định các khoản thu trên.

Trường hợp số tiền thu được không đủ để thanh toán hết khoản nợ của Công ty M, thì Công ty M có trách nhiệm dùng các nguồn thu và tài sản các tài sản hợp pháp khác để thanh toán hết số nợ còn lại tại Ngân hàng.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nguyễn Việt A, trình bày:

Công ty M có quan hệ tín dụng với Ngân hàng ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số 49031.16.058.1188660.TD ngày 30/9/2016 có giá trị hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh: 100.000.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân 45 khế ước, với tổng số tiền giải ngân là 62.684.928.391 đồng.

2. Đề đảm bảo cho khoản vay trên Công ty M đã thế chấp các tài sản bảo đảm như nguyên đơn đã trình bày là đúng.

3. Quá trình vay vốn Công ty đã trả một phần nợ NH1 vì nhiều lý do khách quan và chủ quan hoạt động của Công ty đã gặp khó khăn dẫn đến mất khả năng thanh toán và khoản vay bị quá hạn và còn một phần nợ gốc, lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số 49031.16.058.1188660.TD ngày 30/9/2016 để đảm bảo cho khoản nợ nói trên: Chúng tôi đã thế chấp các tài sản gồm:

1/ Xe ô tô CoRoLLa số máy 2ZR417707; Số khung 42E6E5014819; Biển số 30A-221.29. theo hợp đồng thế chấp số 4276.15.058.1188660.BD ngày 08/3/2016.

2/ Tài sản là Giàn giáo hình thành từ tất cả các nguyên vật liệu theo các hóa đơn. Theo các Hợp đồng thế chấp số 21.17.058.1188660.TC ngày 19/6/2017 và số 22.17.058.1188660.TC ngày 28/6/2017.

Tuy nhiên, đối với các khoản nợ của các đối tác: do Công ty không đáp ứng được năng lực thi công, không hoàn thành công việc theo tiến độ đã bị các đối tác đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn nên hiện tại không tồn tại khoản nợ Ngân hàng đang yêu cầu đòi. Thực tế phía Công ty vẫn còn liên quan đến các đối tác này một số khoản tài chính liên quan đến việc thi công, nhưng đây là quan hệ khác giữa Công ty với Các công ty đối tác liệt kê trên không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nếu có chúng tôi sẽ tự giải quyết và tự chịu trách nhiệm với các công ty đối tác liệt kê trên.

Trên thực tế Công ty đã gặp khó khăn: Nợ nhiều tổ chức tín dụng khác ngoài Ngân hàng, nợ nhiều cá nhân và đối tác khác và hiện nay công không có khả năng hoạt động để có nguồn thu trả nợ cho Ngân hàng, các tổ chức tín dụng khác và các tổ chức cá nhân nên việc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ Công ty sẽ thực hiện theo quy định và phán quyết của pháp luật.

Chúng tôi xác nhận, chúng tôi có kí hợp đồng thi công với Công ty M, Hợp đồng này không liên quan đến hợp đồng tín dụng giữa M với Ngân hàng do đó chúng tôi không có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ giữa công ty M với Ngân hàng

Đại diện Công ty L – bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày

Công ty sản xuất L và Công ty M đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 04/2017/HĐKT/BHL-MAC ngày 27/02/2017, phạm vi công việc: Xây lắp hạng mục hàng rào phía trước và sau nhà 72 căn thuộc dự án G Village của Công ty TNHH đầu tư phát triển sản xuất L.

Tuy nhiên, trong quá trình làm việc, Công ty M không đáp ứng được năng lực thi công, không hoàn thành công việc theo tiến độ nên việc thực hiện Hợp đồng giữa Công ty M và Công ty sản xuất L đã bị bỏ dở trước hạn.

Trên thực tế, Công ty M và Công ty sản xuất L vẫn còn một số vấn đề tài chính phải giải quyết. Đại diện Công ty sản xuất L đã liên lạc với đại diện Công ty M nhiều lần để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng nH1 không thể liên lạc được. Việc giải quyết các vấn đề còn tồn đọng nêu trên là việc riêng giữa Công ty M và Công ty sản xuất L. Những vấn đề này sẽ được hai bên giải quyết theo quy định pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Công ty chúng tôi, Kính mong Quý Tòa xem xét và giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Chúng tôi kí hợp đồng thi công với Công ty M, Hợp đồng này không liên quan đến hợp đồng tín dụng giữa M với Ngân hàng do đó chúng tôi không có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ giữa công ty M với Ngân hàng.

Đại diện Công ty B – bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày

Công ty cổ phần thực phẩm B và Công ty M đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/2017/HĐKT/HT-M ngày 10/01/2017, phạm vi công việc: Thi công phân thô, xây trát, ốp lát (phần mới và phần dỡ dang) công trình mở rộng khu sản xuất tôm giống Phú Quốc.

Tuy nhiên, trong quá trình làm việc, Công ty M không đáp ứng được năng lực thi công, không hoàn thành công việc theo tiến độ nên việc thực hiện Hợp đồng giữa Công ty M và Công ty cổ phần thực phẩm B đã bị bỏ dở trước hạn.

Trên thực tế, Công ty M và Công ty cổ phần thực phẩm B vẫn còn một số vấn đề tài chính phải giải quyết. Đại diện Công ty cổ phần thực phẩm B đã liên lạc với đại diện Công ty M nhiều lần để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng nhưng không thể liên lạc được. Việc giải quyết các vấn đề còn tồn đọng nêu trên là việc riêng giữa Công ty M và Công ty cổ phần thực phẩm B. Những vấn đề này sẽ được hai bên giải quyết theo quy định pháp luật.

Trên đây là ý kiến của Công ty chúng tôi, Kính mong Quý Tòa xem xét và giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Chúng tôi kí hợp đồng thi công với Công ty M, Hợp đồng này không liên quan đến hợp đồng tín dụng giữa M với Ngân hàng do đó chúng tôi không có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ giữa công ty M với Ngân hàng

Đại diện Công ty H2 – bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày

Công ty cổ phần xây dựng H2 và Công ty M đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 06/2017/HĐKT/HT-M ngày 18/01/2017, phạm vi công việc: Thi công kết cấu bê tông cốt thép, xây trát và ốp lát 27 căn biệt thự thuộc Dự án Khu biệt thự Oyster Villas.

Tuy nhiên, trong quá trình làm việc, Công ty M không đáp ứng được năng lực thi công, không hoàn thành công việc theo tiến độ nên việc thực hiện Hợp đồng giữa Công ty M và Công ty cổ phần xây dựng H2 đã bị bỏ dở trước hạn.

Trên thực tế, Công ty M và Công ty cổ phần xây dựng H2 vẫn còn một số vấn đề tài chính phải giải quyết. Đại diện Công ty cổ phần xây dựng H2 đã liên lạc với đại diện Công ty M nhiều lần để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng nhưng không thể liên lạc được. Việc giải quyết các vấn đề còn tồn đọng nêu trên là việc riêng giữa Công ty M và Công ty cổ phần xây dựng H2. Những vấn đề này sẽ được hai bên giải quyết theo quy định pháp luật.

Trên đây là ý kiến của cổ phần xây dựng H2, Kính mong Quý Tòa xem xét và giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Chúng tôi kí hợp đồng thi công với Công ty M, Hợp đồng này không liên quan đến hợp đồng tín dụng giữa M với Ngân hàng do đó chúng tôi không có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ giữa công ty M với Ngân hàng

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

TẠI PHIÊN TÒA

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả tổng số tiền tính đến ngày 28/6/2022 với tổng số tiền là: 55.123.949.930 đồng (trong đó, Nợ gốc là: 30.330.475.349 đồng, Nợ lãi quá hạn là: 24.802.474.58 đồng).

Đề nghị tiếp tục tính lãi phát sinh cho khoản vay trong Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ sau ngày xét xử cho đến khi Công ty M thanh toán hết khoản nợ.

Trường hợp Công ty M không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm M khôi tài theo Hợp đồng thế chấp đã ký.

Trường hợp tài sản cầm cố trên được xử lý nH1 không đủ để thu hồi khoản nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản khác cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

Đối với các tài sản thế chấp là sổ giàn giáo, Ngân hàng xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về nội dung không yêu cầu Tòa án xử lý số tài sản thế chấp mà hai bên đã thỏa thuận giải chấp. Ngoài ra nguyên đơn không còn ý kiến nào khác.

- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hải Y đại diện

cho 3 công ty là Công ty cổ phần thực phẩm B, Công ty cổ phần xây dựng H2, Công ty TNHH đầu tư phát triển sản xuất L trình bày: 3 công ty có kí hợp đồng thi công với Công ty M không liên quan đến hợp đồng tín dụng giữa M với Ngân hàng do đó chúng tôi không có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ giữa công ty M với Ngân hàng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA

Tại phiên tòa các đương sự không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật cần giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng; Đảm bảo điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ đúng trình tự và đầy đủ. Các đương sự, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- **Về nội dung:** Ngày 09/09/2019, Ngân hàng khởi kiện Công ty M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng để đòi số tiền tính đến ngày 17/7/2020, Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền là: 46.931.048.134 đồng

Sau khi ký hợp đồng Công ty M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như nội dung đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Về án phí: Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Công ty M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện những tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận C.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] ***Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:*** Ngày 09/09/2019, Ngân hàng có đơn khởi kiện Công ty M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng để đòi số tiền tính đến ngày 17/7/2020, Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền là: 46.931.048.134 đồng.

Như vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Công ty M có trụ sở tại phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy. Vì vậy khi Ngân hàng khởi kiện, Tòa án nhân dân quận C thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết tranh chấp là phù hợp với quy định Điều 33; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] ***Về tố tụng:*** Bị đơn (Công ty M) có đơn xin giải quyết vắng mặt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng họ từ chối tham gia tố tụng, hoặc cố tình không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng

mặt bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277, 278 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng: Ngày 30/9/2016 Ngân hàng và Công ty M ký Hợp đồng tín dụng số 49031.16.058.1188660.TD có giá trị hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh: 100.000.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân 45 khế ước, với tổng số tiền giải ngân là 62.684.928.391 đồng.

Việc ký Hợp đồng tín dụng số 49031.16.058.1188660.TD ngày 30/9/2016 giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật. Khi tham gia ký kết hợp đồng cả hai bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự nên Hợp đồng tín dụng số 49031.16.058.1188660.TD ngày 30/9/2016 có hiệu lực pháp luật và hai bên cùng có nghĩa vụ thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng do Công ty M không thực hiện đúng theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có cơ sở.

[3.2] Xét về nghĩa vụ và số tiền phải thanh toán:

Tại các buổi làm việc đại diện Công ty M xác nhận số tiền Công ty M còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 17/7/2020, Công ty M còn nợ Ngân hàng số tiền là: 46.931.048.134 đồng (trong đó, Nợ gốc là: 30.330.475.349 đồng, Nợ lãi quá hạn là: 16.600.578.785 đồng).

Trong quá trình điều tra vụ án, Công ty M đề nghị được trả dần nhưng Ngân hàng không nhất trí. Vì vậy Tòa án không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Công ty M.

Tại phiên tòa Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty M phải trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/6/2022) số tiền là: 55.123.949.930 đồng (trong đó, Nợ gốc là: 30.330.475.349 đồng, Nợ lãi quá hạn là: 24.802.474.58 đồng).

Từ những nhận định trên Tòa án cần buộc Công ty M thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi như Ngân hàng yêu cầu là có căn cứ.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo Ngân hàng đề nghị “ Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại khối tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng là đúng quy định của pháp luật, nên được Tòa án chấp nhận.

Đối với các tài sản bảo đảm là sổ giao nhận tại đang ở đâu ngân hàng không biết. Quá trình điều tra và Tại phiên tòa Ngân hàng không yêu cầu xem xét thẩm định nên Tòa không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên Tòa Ngân hàng yêu cầu quyền đòi nợ đối với các Công ty khác là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên Tòa, Ngân hàng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh các công ty khác hiện đang nợ bao nhiêu và những khoản gì. Hơn nữa tại

phiên Tòa đại diện theo ủy quyền của những người liên quan (bà Y) không đồng ý nên Tòa án không có căn cứ chấp nhận yêu cầu quyền đòi nợ của Ngân hàng.

[5] Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, 171, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Căn cứ điều 324, điều 463, điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Điều 27, pháp lệnh số 10/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng M.

2. Buộc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng M, phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng Q số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 55.123.949.930 đồng (Trong đó 30.330.475.349 đồng nợ gốc và số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 24.802.474.58 đồng);

3. Buộc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng M, tiếp tục chịu lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 49031.16.058.1188660.TD ngày 30/9/2016.

Nếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng M, không thanh toán số tiền phải thanh toán trên Ngân hàng Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là: Xe ô tô CoRoLLa số máy 2ZRX417707; Số khung 42E6E5014819; Biển số 30A-221.29

Không chấp nhận yêu cầu buộc những người liên quan chịu nghĩa vụ đối với các khoản vay và Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là số giàn giáo đã được thế chấp theo hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng Q đã ký với bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán thì Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng M, tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết số nợ mà Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng M đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 49031.16.058.1188660.TD ngày 30/9/2016.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Về án phí: Ngân hàng Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Q số tiền 77.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003972 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng M phải chịu 163.123.950 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội và đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty L, Công ty B, Công ty H2. Họ có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH D; Công ty cổ phần Bất động sản X; Công ty CP đầu tư thương mại dịch vụ U; Công ty cổ phần đầu tư xây dựng T2 và Công ty TNHH tư vấn và xây dựng V vắng mặt, họ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú, hoặc nơi có trụ sở của họ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lương